### TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

**VIỆN KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ**

**\*\*\***



### 

**TIỂU LUẬN HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

(Mã học phần: EM1170)

**Đề tài số 8: Bộ máy nhà nước CHXHCH Việt Nam, khái niệm, phân loại cơ quan trong bộ máy nhà nước, các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam**

Sinh viên thực hiện:

MSSV:

Lớp:

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Văn Lâm

**Hà Nội, tháng 6 năm 2021**

**Mục lục**

1. Khái niệm……………………………………………………….. 3
   1. Bộ máy nhà nước……………………………………………. 3
   2. Cơ quan nhà nước…………………………………………… 3
2. Phân loại cơ quan nhà nước, các cơ quan nhà nước chủ yếu…… 3
   1. Các hình thức phân loại cơ quan nhà nước…………………... 3
   2. Các cơ quan nhà nước chủ yếu………………………………. 4
3. Các nguyên tắc hoạt động và tổ chức của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam…………………………………. 8
   1. Khái niệm…………………………………………………….. 8
   2. Các nguyên tắc hoạt động và tổ chức của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam………………………... 8
4. **Khái niệm**
5. **Bộ máy nhà nước**

Là hệ thống cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, thống nhất nhằm thực hiện những nhiệm vụ và chức năng của nhà nước.

1. **Cơ quan nhà nước**

Là bộ phận cấu thành bộ máy nhà nước, mang quyền lực nhà nước, được thành lập và có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ và chức năng nhà nước.

1. **Phân loại cơ quan nhà nước, các cơ quan nhà nước chủ yếu**
2. **Các hình thức phân loại cơ quan nhà nước**

Có ba cách phân loại chính

* Căn cứ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước: cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan xét xử, cơ quan kiểm sát.
* Căn cứ vào phạm vi thực hiện thẩm quyền theo lãnh thổ, Các cơ quan nhà nước ở trung ương, các cơ quan nhà nước ở địa phương.
* Căn cứ vào chế độ làm việc: cơ quan làm việc theo chế độ tập thể, theo chế độ thủ trưởng, chế độ kết hợp.

Thông thường trong bộ máy nhà nước Việt Nam nói chung bao gồm ba loại cơ quan: cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp.

* Cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương).
* Cơ quan hành chính nhà nước, tức là cơ quan hành pháp (đứng đầu hệ thống này là Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã, các sở, phòng, ban…).
* Cơ quan tư pháp bao gồm: Các cơ quan xét xử (Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự…) và các cơ quan kiểm sát (Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Viện kiểm sát nhân dân địa phương).

1. **Các cơ quan nhà nước chủ yếu**
2. **Quốc hội**

Về vị trí pháp lí, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo Hiến pháp năm 2013, Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội được quy định tại Điều 70 Hiến pháp 2013.

Về cách thức hoạt động, mỗi nhiệm kì của Quốc hội kéo dài 05 năm. Quốc hội hoạt động chủ yếu thông qua bằng kì hợp, 2 kì/năm gọi là thường kì. Trong vòng 60 ngày trước khi kết thúc nhiệm kì, Quốc hội phải hoàn thiện quá trình bầu ra Quốc hội khoá mới, thay thế cho bộ Quốc hội khoá cũ.

Về cơ cấu tổ chức, quốc hội bao gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch, hội đồng dân tộc, uỷ ban thường vụ quốc hội, các uỷ ban khác.

Về loại văn bản ban hành, Quốc hội có trách nhiệm thực thi các hiến pháp, luật, bộ luật, nghị quyết. Uỷ ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm thực thi các pháp lệnh, nghị quyết.

1. **Chủ tịch nước**

Về vị trí pháp lí, Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại (Điều 86); nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 88 Hiến pháp 2013.

Chủ tịch nước được Quốc hội bầu ra từ các đại biểu Quốc hội, chịu trách nhiệm công tác và báo cáo công tác trước quốc hội, có nhiệm kì tương đương với nhiệm kì của Quốc hội.

Về nhiệm vụ và quyền hạn, Chủ tịch nước:

* Có trách nhiệm công bố các hiến pháp, luật và pháp lệnh.
* Có quyền đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó chủ tịch nước, Thủ tướng chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
* Tặng thưởng huân chương, huy chương; cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch.
* Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh….
* Đại diện, thay mặt Nhà nước ký kết các hiệp định, hiệp ước quốc tế.

Về loại văn bản ban hành, Chủ tịch nước có trách nhiệm thực thi các lệnh và quyết định trong bộ máy Nhà nước.

1. **Chính phủ**

Về vị trí pháp lí, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ có nhiệm vụ thống nhất quản lý mọi mặt đời sống xã hội trên cơ sở Hiến pháp và luật.

Chính phủ được lập ra từ Quốc hội, chịu trách nhiệm công tác và báo cáo công tác trước Quốc hội, Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Nhiệm kì của Chính phủ tương đương với nhiệm kì của Quốc hội.

Về nhiệm vụ và quyền hạn, Chính phủ:

* Có trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật.
* Đề xuất, xây dựng, trình dự án chính sách trình Quốc hội, Uỷ ban thường vụ Quốc hội.
* Thống nhất quản lý mọi mặt của xã hội.
* Trình Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính.
* Thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước; tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước.

Về cơ cấu, Chính phủ bao gồm Thủ tướng, các Phó thủ tướng, Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ. Cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ đều do Quốc hội quyết định, Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, mọi quyết định đều dựa trên hình thức đa số.

Về loại văn bản ban hành, Chính phủ có trách nhiệm thực thi các nghị định, nghị quyết, Thủ tướng đưa ra các quyết định, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thi hành các thông tư, thông tư liên tịch

1. **Toà án nhân dân**

Về vị trí pháp lí, Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Về nhiệm vụ, Toà án nhân dân có trách nhiệm:

* Bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, cá nhân.
* Nhân danh Nhà nước xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính.

Về cơ cấu tổ chức hệ thống, Toà án nhân dân được chia thành các cấp:

* Tòa án nhân dân tối cao: Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, bộ máy giúp việc, cơ sở đào tạo.
* Tòa án nhân dân cấp cao: Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, các Tòa, Bộ máy giúp việc.
* Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Ủy ban thẩm phán, các Tòa, bộ máy giúp việc.
* Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.
* Tòa án quân sự: Tòa án quân sự trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực.

Về loại văn bản ban hành, Toà án nhân dân tối cao có trách nhiệm thực thi các thông tư của Chánh án Toà án nhân dân tối cao, các nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

1. **Viện kiểm sát nhân dân**

Về vị trí pháp lí, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan có chức năng thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Về nhiệm vụ và quyền hạn, Viện kiểm sát nhân dân chịu trách nhiệm:

* Thực hành quyền công tố: là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội.
* Kiểm sát hoạt động tư pháp: là hoạt động để kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tư pháp.

Về cơ cấu tổ chức, Viện kiểm sát nhân dân được chia làm bốn cấp, gồm:

* Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
* Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (hiện có tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh)
* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (hiện có 63 tỉnh).
* Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (hiện có 691 Viện kiểm sát cấp huyện).

Ngoài ra, trong hệ thống Viện kiểm sát nhân dân còn có các Viện kiểm sát quân sự, gồm:

* Viện kiểm sát quân sự Trung ương.
* Viện kiểm sát quân sự cấp Quân khu, Quân chủng, Quân đoàn...
* Viện kiểm sát quân sự cấp Khu vực.

Về loại văn bản ban hành, Viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm thực thi các Thông tư Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Thông tư liên tịch của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao với Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

1. **Hội đồng nhân dân**

Về vị trí pháp lí, Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân có trách nhiệm quyết định các vấn đề của địa phương do luật định, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Mọi quyết định của Hội đồng nhân dân đều được thực hiện theo nguyên tắc đa số, mỗi nhiệm kì kéo dài 05 năm.

Về loại văn bản ban hành, Hội đồng nhân dân có trách nhiệm thực thi các văn bản nghị quyết.

1. **Uỷ ban nhân dân**

Về vị trí pháp lí là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, Cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Người đứng đầu Ủy ban nhân dân là chủ tịch Ủy ban nhân dân, thường là phó bí thư Đảng ủy Đảng Cộng sản Việt Nam cấp tương ứng, tiếp theo đó là Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân và Uỷ viên

Về nhiệm vụ, Uỷ ban nhân dân có trách nhiệm:

* Tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; thực hiện nghị quyết của HĐND và cơ quan nhà nước cấp trên.
* Hoạt động theo chế độ tập thể kết hợp với trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Về loại văn bản banh hành, Uỷ ban nhân dân có trách nhiệm thực thi các văn bản quyết định.

1. **Nguyên tắc hoạt động và tổ chức của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
2. **Khái niệm**

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước là những tư tưởng nền tảng, những nguyên tắc chủ đạo làm cơ sở cho việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Các nguyên tắc này được hình thành trên cơ sở các học thuyết khoa học, từ sự đúc kết kinh nghiệm của việc tổ chức nhà nước.

Mỗi một chế độ nhà nước đều có các nguyên tắc tổ chức và hoạt động khác nhau về bộ máy nhà nước. Và ngay trong bản thân một nhà nước, các nguyên tắc đó cũng được vận dụng theo từng mức độ khác nhau ở mỗi giai đoạn nhất định và luôn luôn được bổ sung và hoàn thiện.

Nhà nước ta là Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Bộ máy nhà nước ta đương nhiên được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung của chế độ xã hội chủ nghĩa và đồng thời tổ chức bộ máy nhà nước với sự vận dụng phù hợp theo từng giai đoạn lịch sử và theo từng phần hệ thống trong bộ máy đó. Các nguyên tắc đó luôn luôn được bổ sung bởi các nhận thức mới và vận dụng thích hợp với từng điều kiện cụ thể.

1. **Các nguyên tắc hoạt động và tổ chức của bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
2. **Nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa**

Tập quyền là sự tập trung quyền lực nhà nước vào ai đó (cá nhân, cơ quan). Trong chế độ phong kiến, bộ máy nhà nước về cơ bản là tổ chức theo nguyên tắc tập quyền chuyên chế – quyền lực nhà nước tập trung tuyệt đối vào tay vua, hoàng đế. Chính đây là cội nguồn của sự độc đoán chuyên quyền (chuyên chế) của chế độ phong kiến.

Dần dần, với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản, quyền lực của Vua đã bị san sẻ cho một thiết chế mới được lập ra – Nghị viện.

Ví dụ: Viện nguyên lão ở Anh thế kỷ XIII.

Khi cách mạng tư sản thắng lợi (Thế kỷ XVII-XVIII) thì cùng với sự xác lập quyền lực nhân dân (dân chủ) là sự thiết lập cơ chế đại nghị – một cơ chế nhà nước tổ chức theo nguyên tắc phân quyền, phủ định lại nguyên tắc tập quyền chuyên chế phong kiến. Theo đó quyền lực nhà nước của nhân dân được phân ra các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, và trao cho ba cơ quan đảm nhiệm tương ứng là Nghị viện, Chính phủ và Tòa án. Ba nhánh quyền lực này độc lập và đối trọng lẫn nhau. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã chủ trương xoá bỏ chế độ đại nghị và thay vào đó (qua kinh nghiệm Công xã Pari) là cơ chế “tập thể hành động”, sau này được khái quát thành nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa.

Nội dung của nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện ở chỗ: Mọi quyền lực nhà nước của nhân dân (ngoài những quyền được thực hiện bằng con đường trực tiếp) được trao (uỷ quyền) cho cơ quan đại diện, cơ quan quyền lực nhà nước của nhân dân. Đó là các Xô viết (ở Liên Xô cũ), Quốc hội (ở Trung Quốc, Việt Nam). Các quan này nắm giữ các quyền của quyền lực nhà nước thống nhất, có nghĩa là chúng nắm tất cả các quyền lập pháp, tư pháp và giám sát. Các cơ quan đại diện này (ở trung ương và địa phương) là những cơ quan đại diện quyền lực nhà nước duy nhất, là hình thức chủ yếu thực hiện quyền lực nhà nước của nhân dân. Trên tinh thần đó, Hiến pháp Việt Nam quy định “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước”. (Điều 6 Hiến pháp 2013)

Phương thức thứ hai của nội dung của nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa là: trong điều kiện hiện tại cơ quan đại diện quyền lực nhà nước của nhân dân (Quốc hội) do phương thức hoạt động theo kỳ họp và các đại biểu phần đông là kiêm nhiệm nên chưa thể thực hiện tất cả các quyền thuộc nội dung quyền lực nhà nước, Quốc hội vừa tự mình vừa lập ra các cơ quan nhà nước khác và phân giao cho chúng thực hiện các chức năng, nhiệm vụ nhất định. Điểm mấu chốt là các cơ quan đó (Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân) phải chịu sự giám sát (báo cáo công tác) và phải chịu trách nhiệm (bị bãi nhiệm, miễn nhiệm) trước cơ quan quyền lực nhà nước.

Hiến pháp 1946, nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa mới áp dụng bước đầu thể hiện ở việc coi Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất, lập ra Chính phủ, Nội các chịu trách nhiệm trước Nghị viện nhưng các cơ quan khác chưa chưa hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Sang Hiến pháp 1959, nguyên tắc này đã được áp dụng mạnh mẽ, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Hội đồng chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, chịu trách nhiệm trước Quốc hội… Đến Hiến pháp 1980, nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa đã được vận dụng triệt để. Bộ máy nhà nước nước ta đã được xây dựng theo mô hình Nhà nước Xã hội chủ nghĩa đang hiện hành (Quốc hội là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Hội đồng Bộ trưởng là cơ quan chấp hành và hành chính cao nhất của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất v.v…)

Hiện nay, theo tinh thần đổi mới, nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa được nhận thức lại và vận dụng hợp lý hơn. Đó là: về nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất song có sự phân công, phối hợp giữa các Cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Quan điểm mới này đã được thể hiển trong xây dựng bộ máy nhà nước tại cả Hiến pháp 1992 và Hiến pháp 2013. Ở đó Quốc hội vẫn là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất thực hiện các quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề cơ bản của đất nước, giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước và xã hội; các cơ quan nhà nước khác do Quốc hội thành lập, giám sát hoạt động và chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Quốc hội chỉ tập trung vào hoạt động lập pháp và giám sát, còn các cơ quan khác như Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, kể cả Chủ tịch nước nếu cá nhân được phân định chức năng nhiệm vụ rạch ròi hơn, có tính độc lập hơn, cùng nhau phối hợp thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Nói tóm lại, nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc cơ bản xuyên suốt trong tổ chức bộ máy nhà nước nước ta.

1. **Nguyên tắc tập trung dân chủ**

Hiến pháp nước ta quy định “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ” (Điều 8 Hiến pháp 2013).

Nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước là sự kết hợp biện chứng giữa hai mặt: tập trung và dân chủ. Tập trung thống nhất là bản chất chung của mọi Nhà nước. Quyền lực nhà nước phải được triển khai thống nhất, xuyên suốt trách sự chia cắt vô chính phủ. Mặt khác quyền lực đó trong chế độ xã hội chủ nghĩa là bắt nguồn từ nhân dân, phục vụ nhân dân, phải chịu sự giám sát của nhân dân hay của các cơ quan đại diện. Trên tinh thần đó tập trung không xa rời dân chủ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện trong cơ chế trực thuộc hai chiều. Tính trực thuộc hai chiều thể hiện rõ nhất trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Các cơ quan này chịu sự lãnh đạo, chịu trách nhiệm trước cấp trên, đồng thời chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Về việc thành lập các cơ quan này có sự kết hợp giữa Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính cấp trên.

Trong quá trình phát triển từ trước đến nay, trong từng thời kỳ có sự vận dụng khác nhau tương quan giữa tập trung và dân chủ. Ở thời kỳ đầu (giai đoạn 1945-1960) mặt tập trung được đề cao hơn. Sau này (giai đoạn những năm 1980) mặt dân chủ được tăng cường. Hiện nay, tính tập trung được chú trọng trở lại (thể hiện ở quyền của Thủ tướng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên được quyền phê chuẩn việc bầu cử, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới).

Trong các cơ quan quyền lực nhà nước, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, nguyên tắc tập trung dân chủ thể hiện theo từng mức độ nhất định.

1. **Nguyên tắc bình đẳng dân tộc**

Trong một Nhà nước có nhiều dân tộc, việc bảo đảm bình đẳng dân tộc là hết sức cần thiết. Hiến pháp nước ta quy định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam” (Điều 5 Hiến pháp 2013).

Bảo đảm để trong các cơ quan đại diện quyền lực nhà nước (Quốc hội và Hội đồng nhân dân) các thành phần dân tộc thiểu số có số đại biểu thích đáng (Điều 10 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997 (2001)); các đại diện dân tộc được chú ý lựa chọn bầu giữ chức vụ trong chính quyền địa phương.

Có các hình thức tổ chức trong các cơ quan quyền lực nhà nước để thực hiện lợi ích dân tộc và tham gia quyết định các chính sách dân tộc như Hội đồng dân tộc trong Quốc hội và các Ban dân tộc trong Hội đồng nhân dân… Các cơ quan này, đặc biệt là Hội đồng dân tộc không chỉ được quyền thẩm tra, giám sát, kiến nghị về các vấn đề dân tộc mà còn được quyền tham dự các phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các phiên họp của Chính phủ bàn về chính sách dân tộc, được Chính phủ tham khảo ý kiến khi quyết định các chính sách dân tộc.

Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng dân tộc, đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc; thực hiện chính sách phát triển về mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

1. **Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa**

Pháp chế là yêu cầu đặt ra đối với mọi nhà nước hiện đại. Hiến pháp nước ta quy định “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ” (Điều 8 – Hiến pháp 2013). Nội dung chủ yếu của pháp chế là hoạt động của Nhà nước và xã hội dựa trên cơ sở pháp luật và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

Trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa thể hiện như sau:

* Tất cả cơ quan nhà nước phải được xác định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, được thành lập theo đúng quy định của pháp luật. Các chức danh được bầu, bổ nhiệm, tuyển dụng theo đúng quy định.
* Các cơ quan nhà nước, người có chức vụ và nhân viên nhà nước phải tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật trong thi hành nhiệm vụ của chính mình giải quyết các công việc hành chính, xét xử, xử phạt, tránh sự lạm quyền và lộng quyền. Những vi phạm đều bị xử lý theo pháp luật và xử lý bình đẳng đối với mọi sự vi phạm không kể người đó có vị thế nào.

Để đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc pháp chế đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ và đồng thời thông qua các quy định của pháp luật để thực hiện cơ chế kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời và công bằng các vi phạm pháp luật.

1. **Nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng**

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định của sự tồn tại của chế độ Nhà nước ta. Cho nên, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng là một nguyên tắc. Hiến pháp xác định “Đảng Cộng sản Việt Nam – Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” (Điều 4 Hiến pháp 2013).

Nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước thể hiện trên các mặt sau:

* Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đều dựa trên cơ sở đường lối chính sách của Đảng, đó là các quan điểm về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, về cải cách bộ máy nhà nước, nêu cao vai trò của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, cải cách nền hành chính Nhà nước, cải cách tư pháp.
* Đảng giới thiệu các đảng viên ưu tú để bầu vào các cơ quan nhà nước, bồi dưỡng, đào tạo để bổ nhiệm các chức vụ quan trọng trong cơ quan nhà nước.
* Pháp luật ghi nhận các tổ chức thích hợp của Đảng trong các cơ quan nhà nước để thực sự lãnh đạo như các Chi bộ, Đảng bộ, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn…
* Bảo đảm sự thể chế hóa đường lối của Đảng trong các văn bản pháp luật, như việc xin ý kiến các cơ quan Đảng về các dự luật, pháp lệnh…
* Bảo đảm sự kiểm tra của Đảng đối với hoạt động của các Cơ quan nhà nước.

Hiện nay đang vẫn còn một số thế lực thù địch luôn tìm cách phá hoại công cuộc xây dựng của đất nước ta, chúng che giấu dưới chiêu bài nhân quyền để can thiệp một cách thô bạo, trắng trợn vào công việc nội bộ của nước ta chẳng hạn như ngày 3/5/2000 vừa qua Hạ viện Mỹ thông qua nghị quyết “đòi Việt Nam thả các tù nhân tôn giáo và tù nhân chính trị, hủy bỏ Điều 4 trong Hiến pháp Việt Nam”. Điều 4- Hiến pháp 2013 là điều mà nhân dân Việt Nam đã thảo luận một cách dân chủ, tranh luận công khai và thống nhất để thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình khi lựa chọn Đảng cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong thời chiến cũng như trong thời bình. Bởi vì thế chắc chắn là không có sự thay đổi về vai trò, vị trí của Đảng trong sự nghiệp lãnh đạo đất nước.